

QUYẾT ĐỊNH

Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh
Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành
chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục
hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 256/TTr-SNN ngày 10 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong
lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn thực hiện trên địa bàn tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cụ thể hóa việc áp dụng
thực thi phương án đơn giản hóa đối với 01 thủ tục hành chính đã được thông
qua tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ NN và PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K10, K13, KSTT^(Q).

Thao

[Handwritten mark]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thủ tục: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (Mã số TTHC: 1.004427.000.00.00.H08).

1. Nội dung đơn giản hóa

- Thành phần hồ sơ: Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ là *Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép)*; thành phần hồ sơ nêu trên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 3163/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023.

- Lý do: Hiện nay dữ liệu thông tin về doanh nghiệp được đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, *(trong đó có thông tin Tên loại hình doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp...)*. Thông qua mã số doanh nghiệp do tổ chức, cá nhân cung cấp; Cơ quan giải quyết hồ sơ có thể tra cứu thông tin của doanh nghiệp trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Do đó, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải cung cấp *“Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”*, việc đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ nêu trên giúp giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính là cần thiết.

2. Kiến nghị thực thi

Tại điểm 7 khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung, như sau:

a) Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

c) Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án;

đ) Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 10 Điều 13 Nghị định này.

Do đó, theo nội dung tại điểm 1 của Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu trên, đề nghị sửa đổi nội dung tại điểm 7 khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, **quy định bãi bỏ thành phần hồ sơ "Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp"** đối với các dự án đầu tư trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi, hồ sơ đề nghị cấp phép phải bổ sung, như sau:

a) Bản sao quyết định phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, dự án đầu tư;

b) Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Bản sao thông báo thẩm định thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế của dự án;

d) Bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 10 Điều 13 Nghị định này.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 425.784.200 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 424.832.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm cho cơ quan, đơn vị ước tính: 951.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0,22%.
